

MARKET INSIGHTS REPORTS

25.06.2025

SẢN HÓA ĐẢ KIẾP (THEO LỬA MÀ HÀNH
ĐỘNG)



NỘI DUNG CHÍNH

- 03 - 04** CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG
- 05** TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG
- 06** PHÂN TÍCH KỸ THUẬT
Lịch sử mùa hè 2024 đã không lặp lại – Thị trường tiếp tục xu hướng tăng
- 07** HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY
- 07** CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN
- 08** DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST
- 08** TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ
- 09** BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY
Dòng tiền vẫn có xu hướng rời thị trường Mỹ
Các quốc gia giàu nhất thế giới
- 10** TTCK MỸ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào tối nay.

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	368
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	129
Số cổ phiếu giảm giá	169
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	70

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	215
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	82
Số cổ phiếu giảm giá	77
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	56

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	363
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	152
Số cổ phiếu giảm giá	101
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	110

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	57,802.86	58,056.02	(253.16)
% KL toàn thị trường	6.83%	6.86%	
Giá trị	1,874,397	1,696,449	177,948
% GT toàn thị trường	8.67%	7.85%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	3,309.20	4,179.63	(870.43)
% KL toàn thị trường	6.83%	6.86%	
Giá trị	89,285	103,900	(14,614)
% GT toàn thị trường	4.70%	5.47%	

UPCOM

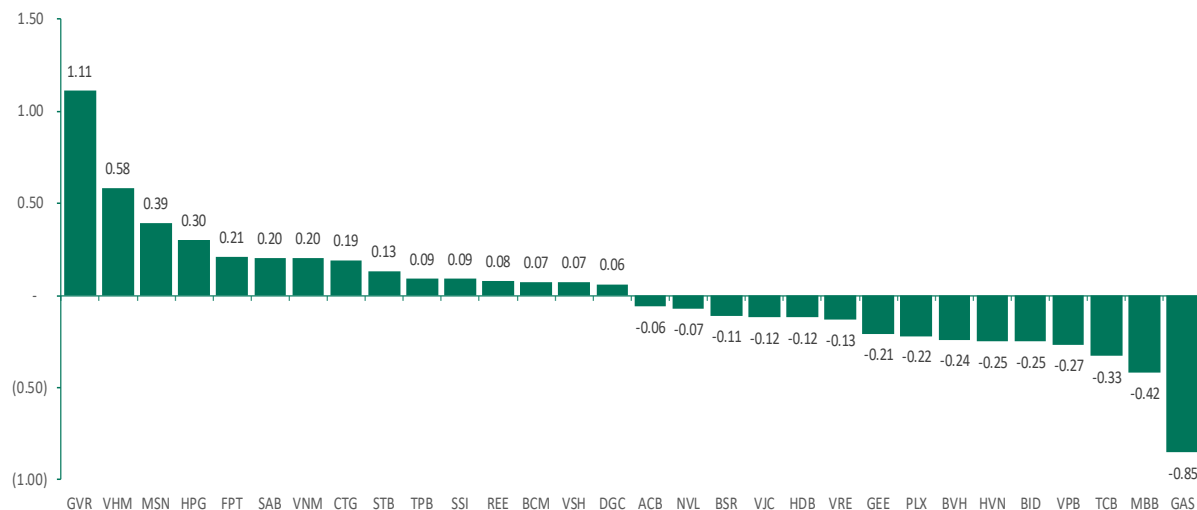
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	853.80	785.18	68.62
% KL toàn thị trường	2.09%	1.92%	
Giá trị	25,999	56,950	(30,952)
% GT toàn thị trường	4.33%	9.49%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	2,739,800	56,600	0 (0%)	9.37	2.31	6,038	472,931
2	VIC	2,655,500	95,800	0 (0%)	34.10	2.33	2,809	371,568
3	VHM	4,824,700	77,900	600 (0.78%)	10.12	1.43	7,696	319,967
4	BID	3,395,300	35,850	-150 (-0.42%)	8.70	1.61	4,122	251,716
5	TCB	13,115,100	33,800	-200 (-0.59%)	9.64	1.55	3,506	238,792
6	CTG	8,585,000	41,700	150 (0.36%)	8.68	1.45	4,805	223,929
7	HPG	38,638,800	27,200	200 (0.74%)	13.71	1.47	1,984	173,978
8	FPT	6,000,700	117,100	600 (0.52%)	20.29	4.55	5,772	173,464
9	VPL	23,300	94,600	0 (0%)	63.93	4.77	1,480	169,646
10	GAS	1,723,200	67,500	-1,600 (-2.32%)	14.72	2.46	4,587	158,130

TÓP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	+0.07%	+10.59%	1,608
▼ Tài chính	-0.18%	+5.33%	107
> Tổ chức tín dụng	-0.17%	+5.47%	29
> Dịch vụ tài chính	-0.03%	+4.69%	65
> Bảo hiểm	-0.94%	+3.68%	13
▶ Bất động sản	+0.23%	+47.91%	144
▼ Công nghiệp	+0.13%	+8.83%	386
> Vận tải	+0.01%	+5.44%	132
> Tư liệu sản xuất	+0.35%	+13.62%	209
> Dịch vụ chuyên biệt và thương mại	+0.62%	+38.02%	45
▼ Tiêu dùng thiết yếu	+0.54%	-6.63%	165
> Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	+0.56%	-6.68%	158
> Đồ gia dụng và cá nhân	-1.12%	-0.22%	6
▶ Nguyên vật liệu	+1.00%	+4.56%	264
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	-0.21%	+19.78%	262
> Phân phối và bán lẻ hàng lâu bền	-0.26%	+2.94%	123
> Dịch vụ tiêu dùng	-0.01%	+19.62%	33
> Hàng tiêu dùng và trang trí	-0.39%	+48.64%	94
> Xe và linh kiện	-0.06%	-11.90%	12
▶ Tiện ích	-0.67%	+2.85%	149
▼ Viễn thông	+0.13%	-18.70%	47
> Viễn thông	+0.04%	-19.22%	22
> Truyền thông giải trí	+1.61%	-6.95%	25
▼ Công nghệ thông tin	+0.53%	-22.49%	14
> Phần mềm	+0.52%	-22.57%	7
> Phần cứng	+5.26%	+4.67%	5
> Bán dẫn	0%	-5.70%	2
▶ Năng lượng	-1.00%	-15.97%	21
▼ Chăm sóc sức khỏe	+0.14%	+0.61%	49
> Dược phẩm - sinh học	+0.17%	+2.28%	44
> Chăm sóc sức khỏe	-0.21%	-21.36%	5

Sản hỏa đả kiếp (Theo lửa mà hành động)

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 0.02 điểm (- 0.00%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Truyền thông giải trí, nguyên vật liệu, dịch vụ chuyên biệt và thương mại, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, phần mềm, tư liệu sản xuất, bất động sản, dược phẩm sinh học, viễn thông, vận tải... là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đã tăng được dẫn dắt bởi các cổ như VNZ, YEG, HPG, DGC, GVR, VCS, PHR, NKG, DDV, CSV, DPR, VEF, MSN, MCH, VNM, HAG, QNS, SAB, ANV, MPC, VHC, FPT, CMG, VEA, CTD, HHV, PC1, C4G, HBC, LCG, VHM, BCM, DXG, IDC, SZC, DHT, DVN, FOX, FOC, ACV, SCS... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) HPG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên chưa mở ra hỗ trợ đã tăng giá của – Tín hiệu cần trở đà tăng giá;
- ✓ Về mô hình sóng, cổ phiếu đang trong sóng C với kháng cự 28 của sóng đối kháng 4. Đây là mẫu hình giá giảm vẫn tiềm ẩn nguy cơ hình thành sóng 5 giảm giá – NĐT nên thận trọng khi mua vào quanh khu vực kháng cự này;
- ✓ Q2/2025, ước lãi HPG vào khoảng 4,000 tỷ đồng;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

(ii) DGC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Mô hình Rally – Base – Rally;
- ✓ Kháng cự hiện tại trong vùng 101 – 108 (Vùng giá mục tiêu sóng 4 đối kháng);
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 56%;

(iii) PHR tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong vùng quá mua sau khi xuất hiện nhịp hồi phục chữ V;
- ✓ Kháng cự hiện tại quanh vùng giá 64;
- ✓ Q2/2025, lợi nhuận ước đạt 72 tỷ đồng tăng 11% svck;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 57%;

(iv) IDC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ của khối lượng;
- ✓ RSI(14) thiết lập mốc cao mới gợi ý về khả năng bứt phá – Tín hiệu tích cực;

- ✓ Kháng cự sóng 4 hiện tại là 45 – Giá cần vượt kháng cự này để xóa mẫu hình tiêu cực;
- ✓ Ước lãi Q2/2025 vào khoảng 400 tỷ giảm 8% svck;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 59%;

(v) HAG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá đang trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu 16;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 52%;

(2) Năng lượng, bảo hiểm, tiện ích, hàng tiêu dùng và trang trí, phân phối và bán lẻ hàng lâu bền, tổ chức tín dụng, xe và linh kiện, dịch vụ tài chính... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đã giảm được dẫn dắt bởi các cổ như PVS, PVD, PVC, BVH, BMI, MIG, BIC, GAS, POW, BWE, NT2, GEG, PPC, GEE, TLG, SAM, MSH, GIL, PAC, PLX, PNJ, BID, TCB, MBB, VPB, ACB, HDB, OCB, CSM, MBS, VIX, CTS, BSI, BVS... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) PVS giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá đang trong sóng 4 giảm giá với hỗ trợ 29 – 31;
- ✓ Ước lãi Q2/2025 vào khoảng 300 tỷ tăng 53% svck;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 57%;

(ii) GAS giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá đang trong sóng 4 giảm giá với hỗ trợ 63 – 66;
- ✓ Ước lãi Q2/2025 vào khoảng 4,000 tỷ tăng 18% svck;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 60%;

(iii) GEG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng - Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá đang trong sóng 4 giảm giá với hỗ trợ 14;
- ✓ Ước lãi Q2/2025 vào khoảng 71 tỷ tăng 231% svck;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 63%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Lịch sử mùa hè 2024 đã không lặp lại – Thị trường tiếp tục xu hướng tăng

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Small Black Candle”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giao dịch giảm không phải là mô hình giảm giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu không quá tiêu cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài mua ròng hơn 132 tỷ đồng (Tính cả 3 sản). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: HPG, VNM, VND, MWG, SSI, FPT, CTG, GVR, STB, NLG ... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: SHB, GEX, EIB, GMD, VCB, ACV, ACB, VRE, VNM, DBC... Khối ngoại gần đây cứ sau vài phiên mua ròng lại có vài phiên bán ròng và ngược lại. Về cơ bản họ không tạo ra một xu hướng mua bán ròng rõ nét lúc này.

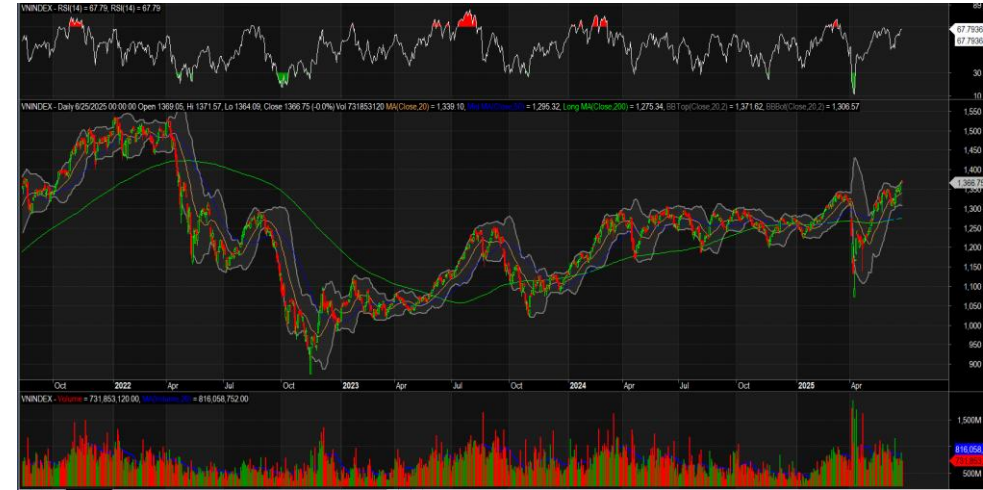
(ii) VN-Index đã vượt xa mốc kháng cự 1,350 điểm là một tín hiệu tích cực: (a) Dải băng trên đang mở ra hỗ trợ giá tăng và giá đang có dấu hiệu bứt phá. Nếu xu hướng này tiếp tục có thể thúc đẩy dòng tiền quay trở lại thị trường. (b) Sự phân hóa đang diễn ra rất mạnh và độ rộng phá đỉnh ngày càng nhiều. Điều này cho thấy vòng quay rủi ro vẫn tiếp tục và sự luân chuyển này ít nhiều cho thấy sức mạnh giá đang tăng cao về mặt độ rộng. (c) Tuy nhiên, áp lực bán cũng đang gia tăng. Chúng ta thấy sự xoay tua của dòng tiền theo dòng. Các cổ phiếu nền thấp thường được NĐT mua vào đây giá hoặc nhóm các cổ phiếu được dự báo có kết quả kinh doanh tích cực.

(iii) Về dòng tiền, chúng ta thấy dòng tiền đổ mạnh vào các cổ phiếu như GVR, VSH, IDC, MSN, HAG, SIP, VPI, SAB, TPB, REE... Về cơ bản dòng tiền hướng tới các cổ phiếu nền thấp chưa tăng giá giai đoạn vừa qua.

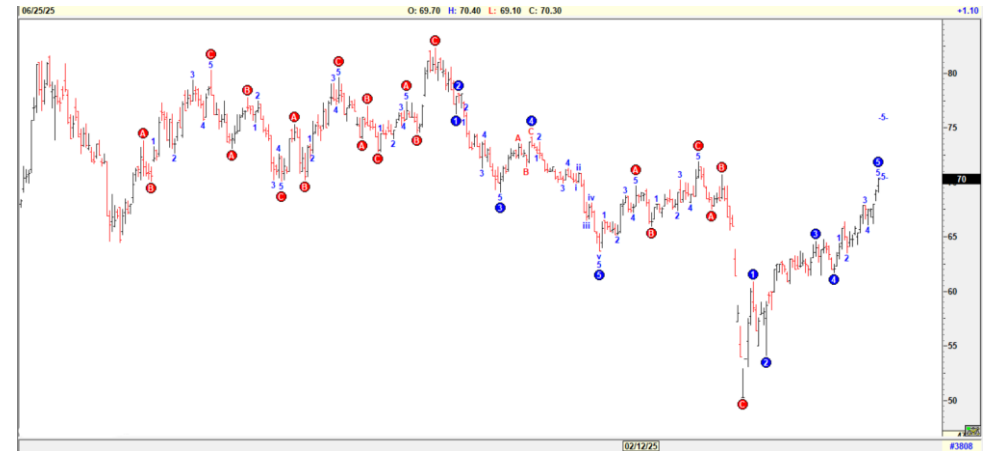
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 12 mã cho tín hiệu mua, 08 mã cho tín hiệu bán, 10 mã cho tín hiệu đi ngang. SAB, BCM, VHM, BVH, CTG, STB, SSI, GVR, VNM, HPG, MWG, MSN... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 50% và 30% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch không rõ tăng hay giảm điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 5. Hỗ trợ là 1,320 điểm và kháng cự là 1,400 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ MSN



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	469.73	470.15	469.3	YES	471.89	474.92	477.08	480.11	466.7	464.54	461.51	459.35
HNXINDEX	227.81	227.89	227.74	YES	228.59	229.51	230.29	231.21	226.89	226.11	225.19	224.41
UPINDEX	99.78	99.7	99.86	YES	100.37	100.8	101.39	101.82	99.35	98.76	98.33	97.74
VN30	1465.5	1465.57	1465.43	YES	1470.62	1475.87	1480.99	1486.24	1460.25	1455.13	1449.88	1444.76
VNINDEX	1367.47	1367.83	1367.11	YES	1370.85	1374.95	1378.33	1382.43	1363.37	1359.99	1355.89	1352.51
VNXALL	2248.07	2249	2247.15	YES	2255.4	2264.57	2271.9	2281.07	2238.9	2231.57	2222.4	2215.07
VN30FIM	1451.37	1451.95	1450.78	YES	1456.43	1462.67	1467.73	1473.97	1445.13	1440.07	1433.83	1428.77
VN30FIQ	1448.43	1449.2	1447.67	YES	1452.77	1458.63	1462.97	1468.83	1442.57	1438.23	1432.37	1428.03
VN30F2M	1451.2	1451.4	1451	YES	1456.2	1461.6	1466.6	1472	1445.8	1440.8	1435.4	1430.4
VN30F2Q	1448.2	1448.75	1447.65	YES	1451.6	1456.1	1459.5	1464	1443.7	1440.3	1435.8	1432.4
ACB	21.32	21.35	21.28	NO	21.38	21.52	21.58	21.72	21.18	21.12	20.98	20.92
BCM	61.6	61.5	61.7	NO	62	62.2	62.6	62.8	61.4	61	60.8	60.4
BID	35.98	36.05	35.92	NO	36.12	36.38	36.52	36.78	35.72	35.58	35.32	35.18
BVH	53.17	53.4	52.93	NO	53.63	54.57	55.03	55.97	52.23	51.77	50.83	50.37
CTG	41.73	41.75	41.72	YES	41.97	42.23	42.47	42.73	41.47	41.23	40.97	40.73
FPT	117.83	118.2	117.47	NO	118.67	120.23	121.07	122.63	116.27	115.43	113.87	113.03
GAS	67.97	68.2	67.73	NO	68.43	69.37	69.83	70.77	67.03	66.57	65.63	65.17
GVR	30.62	30.53	30.71	NO	31.53	32.27	33.18	33.92	29.88	28.97	28.23	27.32
HDB	21.88	21.92	21.84	NO	21.97	22.13	22.22	22.38	21.72	21.63	21.47	21.38
HPG	27.2	27.2	27.2	YES	27.45	27.7	27.95	28.2	26.95	26.7	26.45	26.2
LPB	31.9	31.95	31.85	NO	32.2	32.6	32.9	33.3	31.5	31.2	30.8	30.5
MBB	25.75	25.83	25.67	NO	25.9	26.2	26.35	26.65	25.45	25.3	25	24.85
MSN	69.93	69.75	70.12	NO	70.77	71.23	72.07	72.53	69.47	68.63	68.17	67.33
MWG	64.9	64.85	64.95	YES	65.3	65.6	66	66.3	64.6	64.2	63.9	63.5
PLX	37.6	37.75	37.45	NO	38.1	38.9	39.4	40.2	36.8	36.3	35.5	35
SAB	50.05	49.92	50.17	NO	50.75	51.2	51.9	52.35	49.6	48.9	48.45	47.75
SHB	12.98	12.95	13.02	NO	13.12	13.18	13.32	13.38	12.92	12.78	12.72	12.58
SSB	18.03	18	18.07	NO	18.17	18.23	18.37	18.43	17.97	17.83	17.77	17.63
SSI	24.5	24.5	24.5	YES	24.8	25.1	25.4	25.7	24.2	23.9	23.6	23.3
STB	46.87	46.9	46.83	YES	47.28	47.77	48.18	48.67	46.38	45.97	45.48	45.07
TCB	33.95	34.03	33.88	NO	34.1	34.4	34.55	34.85	33.65	33.5	33.2	33.05
TPB	13.38	13.38	13.39	YES	13.52	13.63	13.77	13.88	13.27	13.13	13.02	12.88
VCB	56.7	56.75	56.65	YES	56.8	57	57.1	57.3	56.5	56.4	56.2	56.1
VHM	77.7	77.6	77.8	NO	79.1	80.3	81.7	82.9	76.5	75.1	73.9	72.5
VIB	18.25	18.27	18.23	NO	18.35	18.5	18.6	18.75	18.1	18	17.85	17.75
VIC	95.63	95.55	95.72	YES	96.77	97.73	98.87	99.83	94.67	93.53	92.57	91.43
VJC	87.5	87.7	87.3	NO	87.9	88.7	89.1	89.9	86.7	86.3	85.5	85.1
VNM	57	57.1	56.9	NO	57.6	58.4	59	59.8	56.2	55.6	54.8	54.2
VPB	18.5	18.55	18.45	NO	18.6	18.8	18.9	19.1	18.3	18.2	18	17.9
VRE	24.85	24.95	24.75	NO	25.05	25.45	25.65	26.05	24.45	24.25	23.85	23.65

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
HHV	16,940,000	5,860,740	289	0.4
DXS	9,445,300	4,625,340	204	3.89
SZC	4,562,600	2,037,940	224	2.69
C4G	3,299,300	802,440	411.16	3.66
DPR	2,949,100	945,000	312	4.92
DRI	2,461,500	984,980	250	2.36
KLB	1,764,900	697,440	253.05	3.41
TTF	1,532,600	571,770	268	3.09
HSL	1,229,600	588,050	209	0
TTA	1,115,900	485,270	229.95	-0.46
DST	962,500	211,060	456	0
SCS	626,400	312,720	200	1.72
ACC	536,400	70,290	763	-0.71
LHG	516,200	144,520	357	4.29
PTB	460,300	73,950	622.45	-0.18
MBG	435,200	186,800	233	3.23
SJE	432,100	72,730	594	7.58
VBB	337,500	155,500	217	-1.72
IVS	254,400	33,240	765	4.3
PHC	237,500	50,040	474.62	-1.77
HID	231,900	100,920	230	0
NHH	201,700	81,980	246	-0.49
DAH	180,500	76,950	235	-0.3
HPD	167,600	15,080	1,111	-2.86
TTG	150,200	470	31957.45	0
PRC	111,200	13,400	830	-8.84
BLF	111,000	44,660	249	-5.41
EFI	110,600	1,540	7,182	0
HTI	109,300	49,260	222	-0.28
MCG	108,200	49,350	219	-5.88
C47	102,100	30,960	330	-1.96
SVD	96,700	36,830	263	1.87
HDA	90,300	14,770	611	0
TT6	89,600	21,080	425	-6.25
TNT	82,300	37,900	217	-0.6
CSI	77,500	37,060	209	-1.94
SAS	71,500	35,010	204	1.62
HSV	63,800	20,020	319	-2.56
VRC	61,700	11,220	550	3.2
TBC	57,100	26,630	214	-1.75

- Lưu ý: HHV, DXS...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
24-Jun	NT2	Mua thêm	≤ 20.5	10% -20%	Buy Kumo Break out

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 24/06, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.058 VND/USD, tăng mạnh 30 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.856 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 26.260 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.160 VND/USD, giảm 50 đồng so với phiên 23/06. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 30 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 26.320 VND/USD và 26.420 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 24/06, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,06 – 1,67 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên đầu tuần, cụ thể: ON 1,73%; 1W 3,95%; 2W 4,05% và 1M 4,20%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giữ nguyên ở tất cả các kỳ hạn, giao dịch tại: ON 4,30%; 1W 4,36%; 2W 4,41%, 1M 4,43%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ đi ngang ở kỳ hạn 3Y, chốt phiên: 3Y 2,28%; 5Y 2,66%; 7Y 3,00%; 10Y 3,21%; 15Y 3,33%.
- Nghị quyết thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng mỗi kỳ hạn 7 ngày và 91 ngày, lãi suất đều ở mức 4,0%. Có 1.508,63 tỷ đồng trúng thầu ở cả 2 kỳ hạn. Có 1.723,13 tỷ đồng đáo hạn. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 7 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 3.100 tỷ đồng tín phiếu trúng thầu với lãi suất 3,5%. Như vậy, hôm qua NHNN hút ròng 3.314,50 tỷ đồng từ thị trường qua nghiệp vụ thị trường mở. Có 25.949,53 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố, có 3.100 tỷ đồng tín phiếu NHNN lưu hành trên thị trường.

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng $\frac{1}{2}$ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Dòng tiền vẫn có xu hướng rời thị trường Mỹ

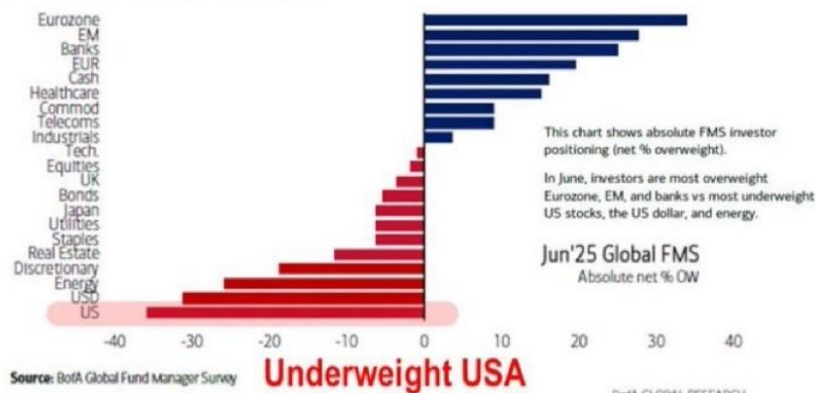
Accessible version
BoFA GLOBAL RESEARCH

BoFA SECURITIES

Global Fund Manager Survey

The Buck Stops Here

Chart 18: FMS net OW Eurozone, EM, banks & UW US equities, US dollar, energy
FMS absolute positioning (net % overweight)



For Exclusive Use of Fundstrat Clients Only

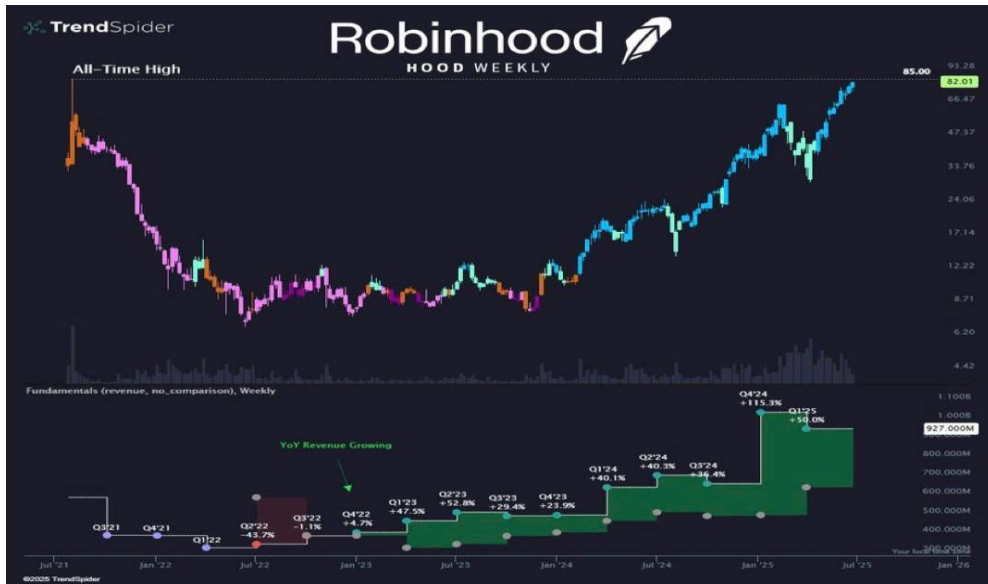
fundstrat

Các quốc gia giàu nhất thế giới





Robinhood thiết lập mốc cao mới – Giá sẽ tiếp tục rẽ sau báo cáo Q2/2025 ?



SNOW thiết lập mô hình tăng giá trung hạn ?



PEPSICO liên tục đi xuống – Đồ uống có gas đang thất sủng ?



S&P 500 đang tiệm cận mốc cao mọi thời đại – Mỗi lần xuống đều là cơ hội



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào tối nay.

(*)**Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 Tổng đài: 1900 1811

 trungtamcskh@aas.com.vn

Mở tài khoản ngay

